

TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 3/2025
NHÓM CHÁO – CƠM NÁT (12 – 24 THÁNG)

I. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT: (4h)

1.1. Trẻ thực hiện một số động tác để phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

* Sinh hoạt

- Hô hấp: Gà gáy
- Tay: Đưa về phía trước, đưa ra sau.
- Lưng- bụng- lườn: Nghiêng người sang hai bên.
- Chân: Ngồi xuống, đứng lên.

1.2. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể để thực hiện vận động.

* Giờ học

- Tung bóng xa được khoảng 70 cm. (2h)
- Bò trong đường hẹp. (2h)

* Sinh hoạt

- Tung bóng xa được khoảng 70 cm.

1.3. Trẻ biết phối hợp thực hiện cử động của bàn tay, ngón tay để lồng được 2- 3 hộp tròn (vuông), xếp chồng được 2- 3 khối vuông.

* Kỹ năng

- Xếp chồng 2-3 khối (Xếp ngôi nhà...)
- Lồng hộp tròn, vuông.

* Sinh hoạt

- Xếp chồng 2-3 khối (Xếp ngôi nhà...)
- Lồng hộp tròn, vuông.

1.4. Trẻ thích nghi chế độ ăn cháo, ăn cơm nát

* Sinh hoạt

- Tiếp tục làm quen chế độ ăn cháo, cơm nát nấu với các thực phẩm khác nhau.

1.5. Trẻ ngủ đủ 2 giấc.

* Sinh hoạt

- Tiếp tục trẻ ngủ 2 giấc buổi trưa.

1.6. Trẻ chấp nhận ngồi bô, “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.

* Sinh hoạt

- Gọi cô khi bị ướt, bị bẩn.

1.7. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ như xúc cơm ăn, cầm cốc uống nước, uống sữa với sự giúp đỡ của người lớn.

* Sinh hoạt

- Tập tự xúc ăn bằng thìa, nước bằng cốc.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC: (10h)

2.1. Trẻ biết chỉ /lấy /nói tên con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.

* Giờ học

- Nhận biết: Con mèo (2h), Con chó (2h).

* Sinh hoạt

- Nhận biết: Con mèo, Con chó.

2.2. Trẻ biết chỉ tay vào bộ phận của cơ thể, khi được hỏi.

* Giờ học

- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. (2h)

* Sinh hoạt

- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.

2.3. Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ, xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.

* Giờ học

- Nhận biết màu xanh. (2h)

- Nhận biết màu đỏ. (2h)

* Sinh hoạt

- Nhận biết màu xanh.

- Nhận biết màu đỏ.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ: (6h)

3.1. Trẻ biết lắng nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.

* Giờ học

- Nghe chuyện kể đơn giản theo tranh: “Quả thị” (2h); “Sẻ con” (2h).

* Sinh hoạt

- Nghe thơ: “Bắt cải xanh”.

- Nghe đồng dao: “Bênh bập bênh”

- Nghe hát: “Gà trống, mèo con và cún con”; “Một con vịt”.

- Nghe chuyện kể đơn giản theo tranh: “Quả thị”; “Sẻ con”.

3.2. Trẻ bắt chước được âm thanh, ngôn ngữ khác nhau: ta ta, meo meo, bìn bìn; mẹ, bà, ba, tô...

* Sinh hoạt

- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.

3.3. Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.

* Sinh hoạt

- Gọi mẹ, bà...; nói câu gồm 1 hoặc 2 từ để giao tiếp: “bé” (khi muốn được bế); “uống” hoặc “nước” (khi muốn uống nước); “măm măm” (khi muốn ăn); “đi, đi” (khi muốn đi chơi). Con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...

3.4 Trẻ biết đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.

* Giờ học

- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ: “Bắt cải xanh” (2h).

* Sinh hoạt

- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ: “Bắt cải xanh”

3.5. Trẻ biết mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.

* Kỹ năng

- Trẻ biết mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ: (8h)

4.1. Trẻ bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh khác nhau qua ca hát, vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay....).

* Giờ học

- Nghe hát nghe nhạc bài:

+ “Gà trống, mèo con và cún con” (2h).

+ “Một con vịt” (2h).

* Sinh hoạt

- Nghe hát: “Gà trống, mèo con và cún con”; “Một con vịt”.

4.2. Trẻ biết vận động đơn giản theo nhạc

* Giờ học

- Vận động đơn giản theo nhạc bài: “Là con mèo”. (2h)

* Sinh hoạt

- Vận động đơn giản theo nhạc bài: “Là con mèo”.

4.3. Trẻ biết bắt chước một vài hành vi xã hội.

* Sinh hoạt

- Chơi Ru em ngủ, cho em ăn, lau mặt cho mẹ. đẩy em đi chơi, tắm em....

4.4. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.

* Sinh hoạt

- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.

4.5. Trẻ vẽ được nét nguệch ngoạc.

* Giờ học

- Vẽ cuộn len (2h).

* Sinh hoạt

- Vẽ cuộn len.